

Bản án số: 48/2024/DS-ST

Ngày: 06/8/2024

V/V tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Bảy
- Bà Đặng Thị Tiềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Kiều Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 06 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2024/TLST- DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2024/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự.

Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần Đ;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Địa chỉ: số B, N, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và T Cấu trúc Tài sản (Theo văn bản ủy quyền số 10772/UQ-PVB ngày 10/6/2020);

Địa chỉ: Lầu B, B L, phường A, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

1. Ông Nguyễn Trọng N1 – Chức vụ: Giám đốc Khách hàng cá nhân – Phòng quản lý khách hàng T - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P (Theo văn bản ủy quyền số 2468/UQ-PVB ngày 08/5/2024) (vắng mặt);

2. Ông Võ Duy T1 – Chức vụ: Chuyên viên Quản lý khách hàng – Phòng quản lý khách hàng T - Khối Quản lý và Tái cấu trúc tài sản P (Theo văn bản ủy quyền số 2468/UQ-PVB ngày 08/5/2024) (có mặt);

Địa chỉ: Lầu F, A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn:

Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: số I, Hồ H, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2024 của Ngân hàng TMCP Đ (viết tắt P), trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có đại diện theo ủy quyền là ông Võ Duy T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh T2 và bà Nguyễn Thị Tuyết M có ký với nhau hợp đồng cho trả góp bằng lương số 482/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 03/10/2018, căn cứ vào khế ước nhận nợ số LD1827694502 ngày 03/10/2018.

- Vay số tiền: 150.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 46 tháng.
- Giải ngân ngày 03/10/2018.
- Mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng.
- Lãi suất vay: 15,5 %/năm, điều chỉnh 03 tháng 01 lần;
- Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất trong hạn;
- Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm;

Trong quá trình vay thì bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện trả nợ theo như cam kết. P đã nhiều lần gửi thông báo, công văn để yêu cầu bà M thanh toán khoản vay cho P theo đúng quy định. Tuy nhiên, bà M đã không thực hiện theo yêu cầu, có biểu hiện kéo dài thời gian, cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Đến nay, số tiền bà Nguyễn Thị Tuyết M thanh toán cho P cụ thể như sau:

- Thanh toán nợ gốc: 19.421.191 đồng
 - Thanh toán nợ lãi: 10.251.454 đồng
- Tổng cộng: 29.672.645 đồng.

Dư nợ tạm tính đến ngày 06/8/2024 khoản vay của bà Nguyễn Thị Tuyết M như sau:

- Nợ gốc: 130.578.809 đồng
 - Nợ lãi: 159.948.053 đồng
- Tổng dư nợ: 290.526.862 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ (P) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (P) tổng số tiền 290.526.862 đ (Hai trăm chín mươi triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), (gồm nợ gốc 130.578.809 đồng, nợ lãi 159.948.053 đồng tạm tính đến ngày 06/8/2024) và bà M phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 07/8/2024 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 482/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 03/10/2018 cho đến khi bà M thanh toán xong các khoản nợ.

- Nếu bà Nguyễn Thị Tuyết M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu nhập hợp pháp

của bà **M** theo hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số: 482/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 03/10/2018.

* *Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:*

Bà **M** thông nhất với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của ngân hàng về thời gian vay tiền, số tiền vay, mục đích vay, thời hạn vay, lãi suất vay và số tiền bà còn nợ ngân hàng. Bà xin ngân hàng cho bà trả số tiền vốn, bà xin không trả lãi. Tiền vốn 130.578.809 đồng bà xin trả dần trong thời hạn hai năm bà sẽ trả một lần số tiền vốn 130.578.809 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M cư trú tại số I, Hồ H, khu phố A, phường A, thị xã C, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M trả cho ngân hàng số tiền 290.526.862 đ (Hai trăm chín mươi triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), (gồm nợ gốc 130.578.809 đồng, nợ lãi 159.948.053 đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng TMCP Đ (P) và bà Nguyễn Thị Tuyết M thực tế có xảy ra quan hệ vay tài sản với nhau thể hiện qua “hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 482/2018/HĐTD/PVB-CNTG ngày 03/10/2018, căn cứ vào kế ước nhận nợ số LD1827694502 ngày 03/10/2018” do Ngân hàng TMCP Đ (P) cung cấp có chữ ký tên của bà Nguyễn Thị Tuyết M và Đại diện Ngân hàng TMCP Đ (P). Hợp đồng có nội dung thể hiện bà M vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 46 tháng, giải ngân ngày 03/10/2018, mục đích sử dụng vốn vay tiêu dùng, phương thức trả nợ: Nợ gốc được chia làm 46 kỳ, mỗi kỳ 01 tháng, trả vào ngày 03 hàng tháng, cụ thể kỳ thứ 1 đến kỳ thứ 45, mỗi kỳ trả 3.260.000 đồng, kỳ thứ 46 trả 3.300.000 đồng, kỳ hạn trả nợ lãi: hàng tháng vào ngày 03. Trong quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 03/10/2018 bà M đã thanh toán vốn lãi theo hợp đồng đến ngày 03/02/2021 với số tiền vốn 19.421.191 đồng và lãi 10.251.454 đồng. Sau đó thì bà M ngưng không thanh toán cho P. Tính đến ngày xét xử 06/8/2024 bà M còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (P) số tiền 290.526.862 đồng. Xét thấy tài liệu chứng cứ Ngân hàng cung cấp có thể hiện số tiền mà bà M vay và còn nợ nguyên đơn như lời trình bày của ông T1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa.

[3.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết M cũng thống nhất là còn nợ Ngân hàng TMCP Đ (P) số tiền vốn, lãi tổng cộng là 290.526.862 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ (P) là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[4] Về thời hạn trả nợ: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M trả 01 lần sau khi án có hiệu lực pháp luật số tiền 290.526.862 đồng. Bị đơn bà M xin trả dần số tiền vốn 130.578.809 đồng trong thời hạn hai năm. Do nguyên đơn, bị đơn không thống nhất thời gian trả số tiền nợ. Cho nên, về phương thức trả, thời gian trả số tiền là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P) số tiền 290.526.862 đ (Hai trăm chín mươi triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), (gồm nợ gốc 130.578.809 đồng, nợ lãi 159.948.053 đồng).

[6] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên bà M phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là $290.526.862 \text{ đồng} \times 5\% = 14.526.343 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (P).

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ (P) số tiền còn thiếu tính đến ngày 06/8/2024 tổng cộng là 290.526.862 đ (Hai trăm chín mươi triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn tám trăm sáu mươi hai đồng), gồm nợ gốc 130.578.809 đ (Một trăm ba mươi triệu năm trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm lẻ chín đồng), nợ lãi 159.948.053 đ (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn không trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 07/8/2024 bà Nguyễn Thị Tuyết M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.526.343 đ (Mười bốn triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm bốn mươi ba đồng).

H lại cho Ngân hàng TMCP Đ (P) 6.963.000 đ (Sáu triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004882 ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Cai Lậy.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Kim Thoa